

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Hoàng Anh Gia Lai

Ngày 30/09/2025	16,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.6%	23.5%	32.5%

DT thuần Q3/25
1,895
tỷ VNĐ
QoQ: ▼432 -18.5%
YoY: ▲ 463 32.4%

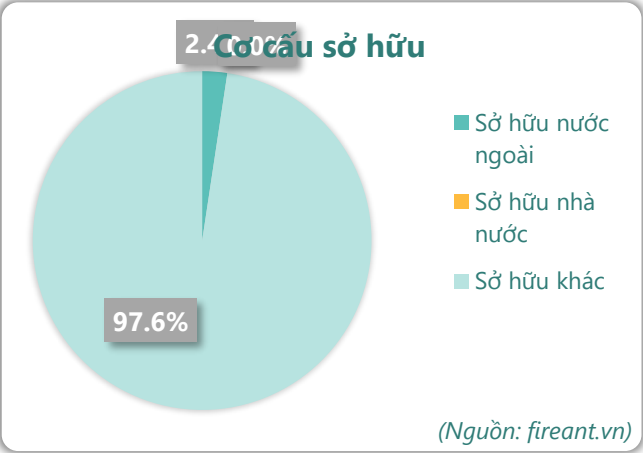
LN thuần Q3/25
499
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.0 -5.3%
YoY: ▲ 109 28.0%

LN sau thuế Q3/25
432
tỷ VNĐ
QoQ: ▼87.0 -16.7%
YoY: ▲ 81.0 23.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
33.5%
YoY: +/-▲ 2.7%

ROE (TTM) Q3/25
13.0%
YoY: +/-▼ 1.5%

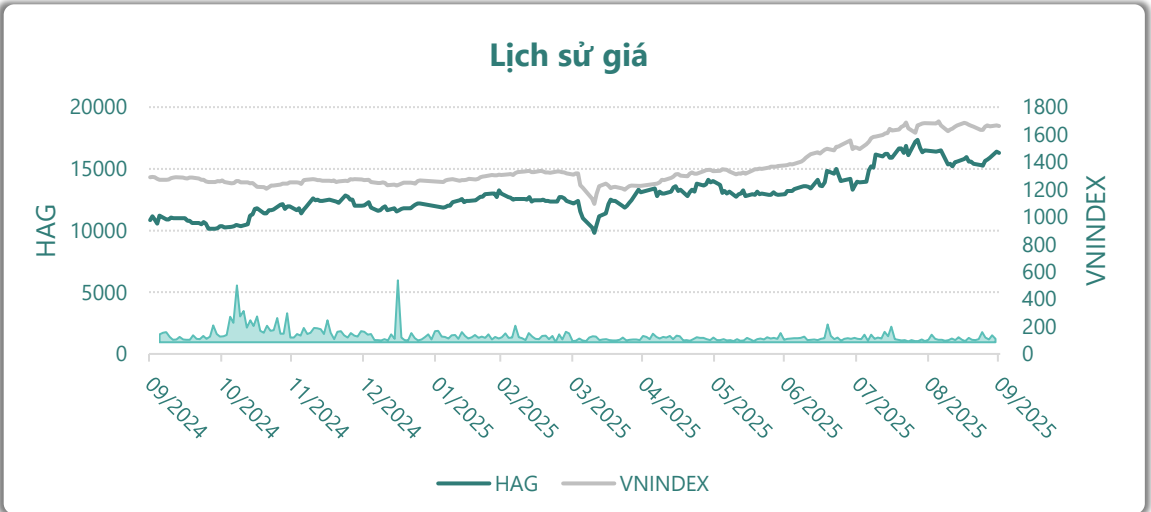
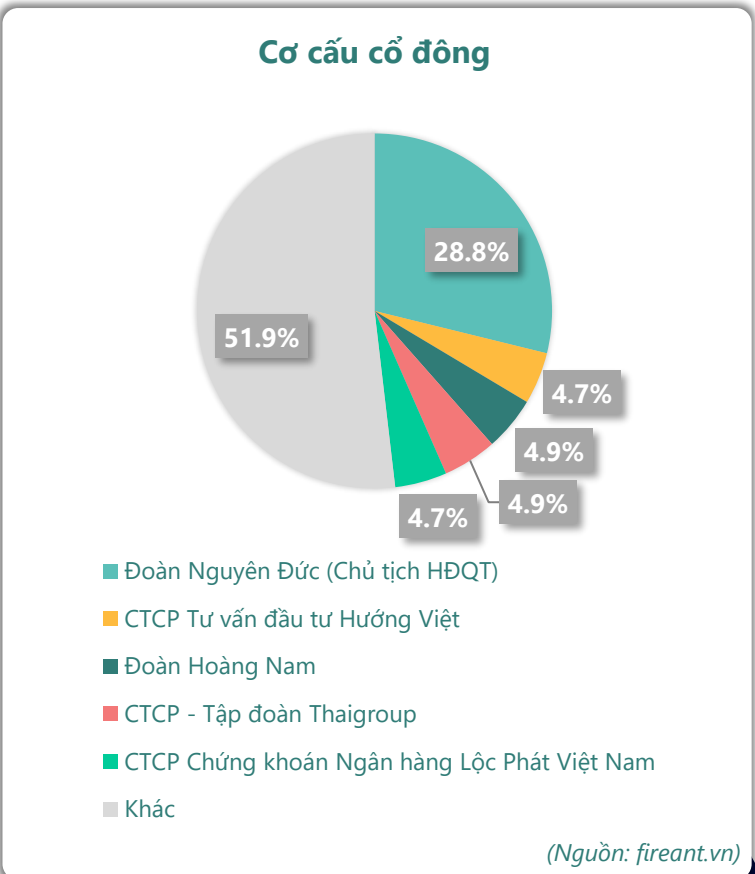
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,810 - 17,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20,659
Số lượng CPLH (CP)	1,267,399,283
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,912,245
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	0.98
EPS	1,145
P/E	14.2



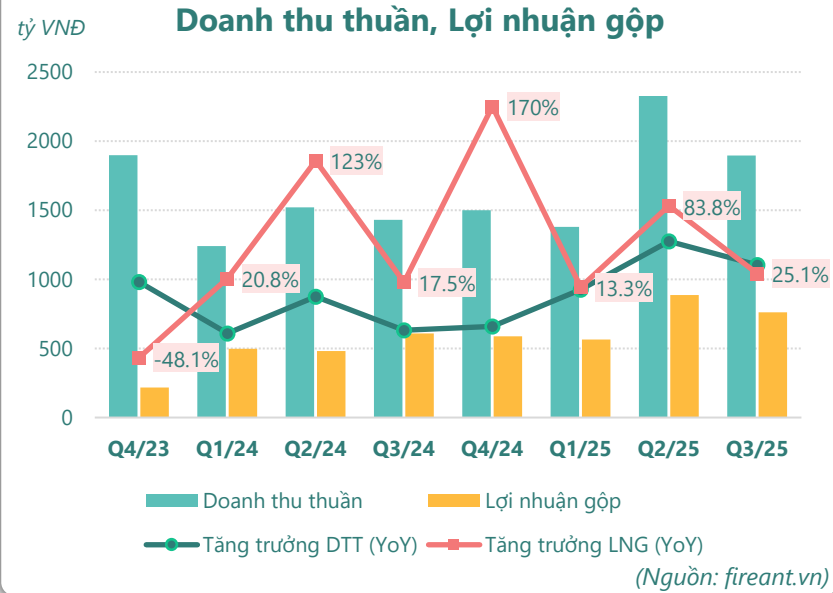
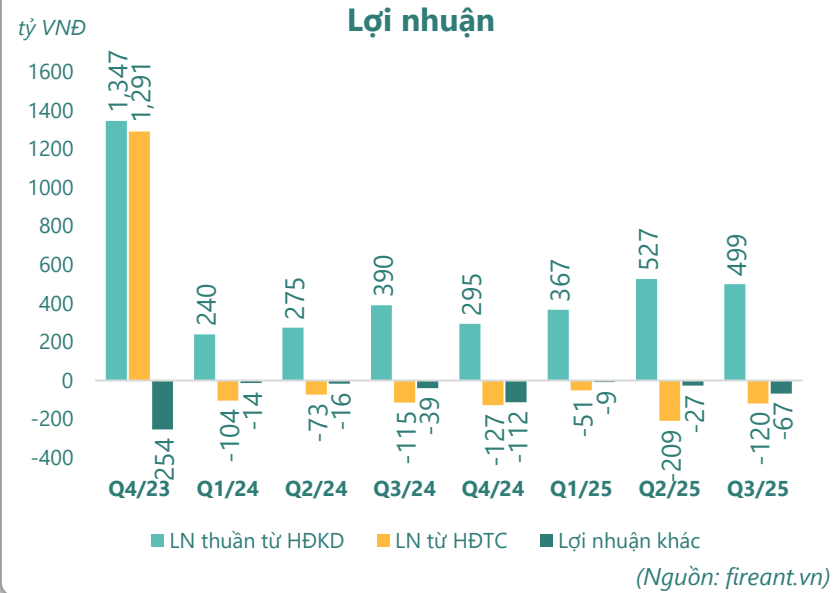
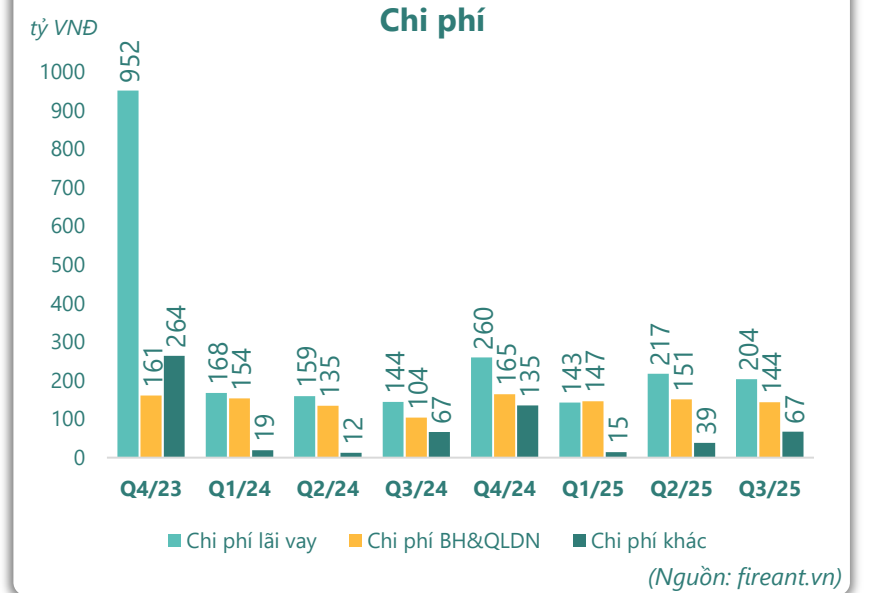
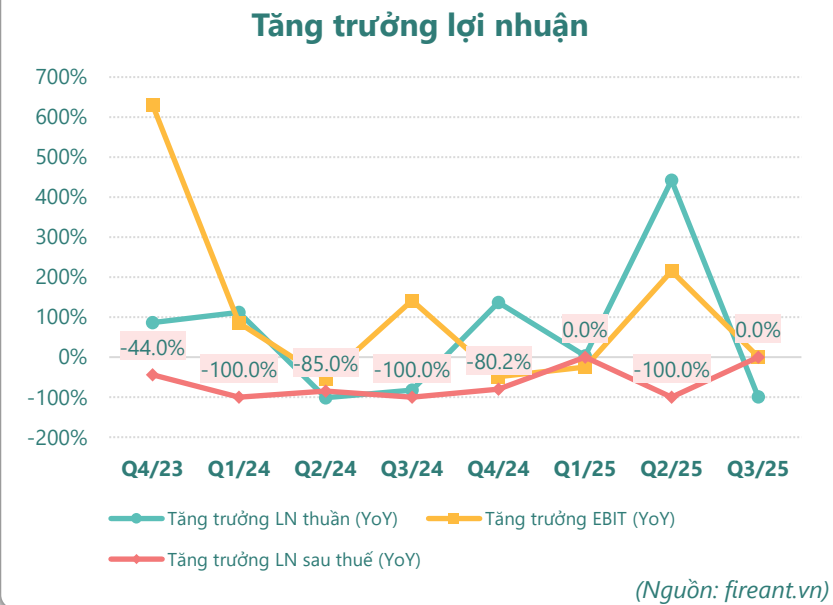
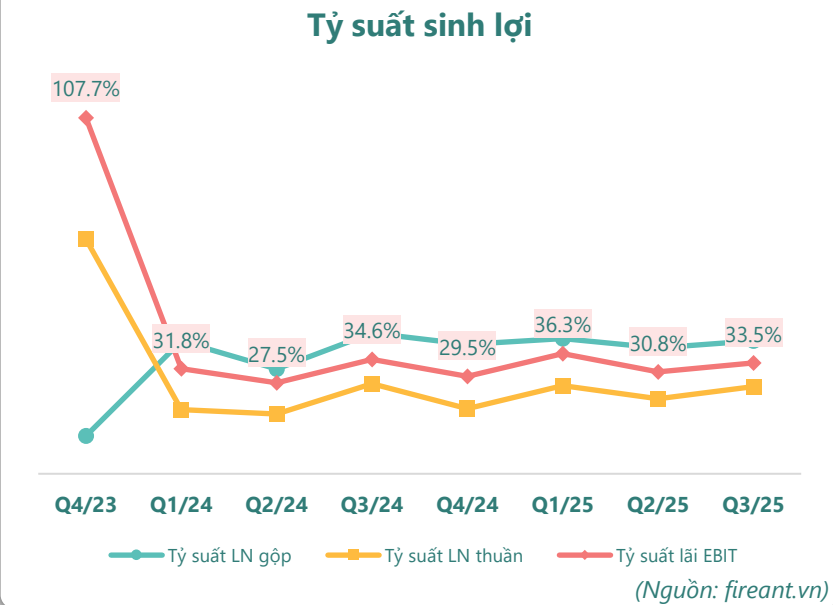
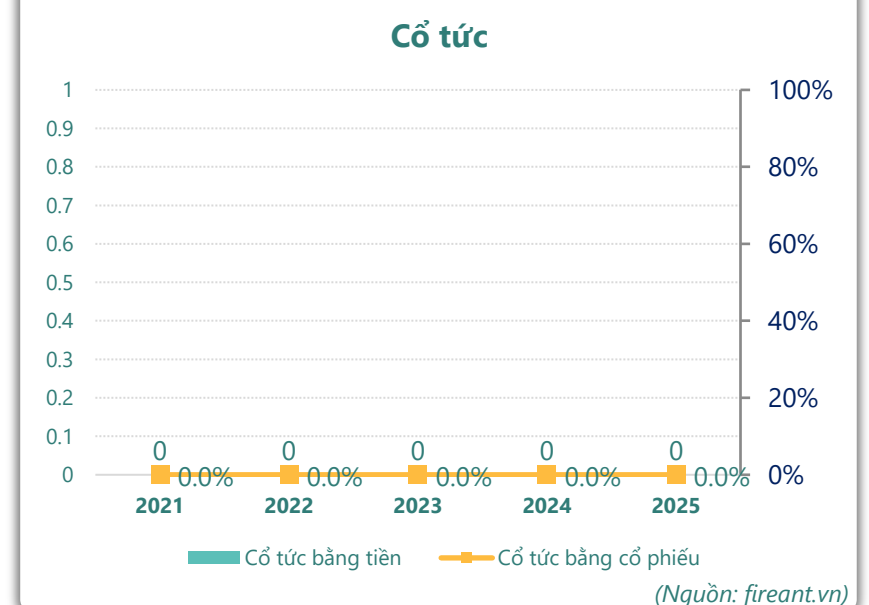
DT thuần 9T 2025
5,603
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,409 33.6%

LN thuần 9T 2025
1,394
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 489 53.9%

LN sau thuế 9T 2025
1,312
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 461 54.1%



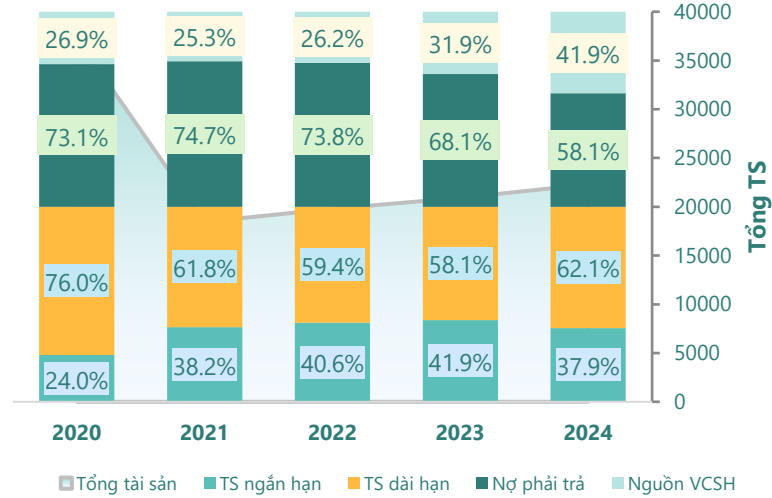
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

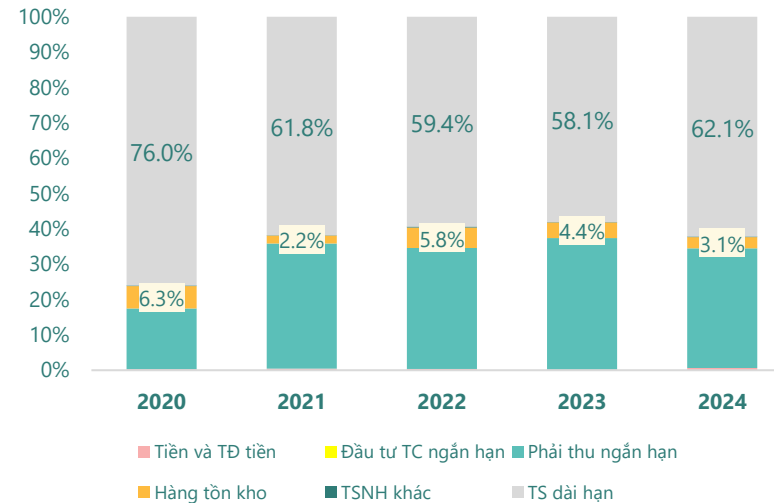
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

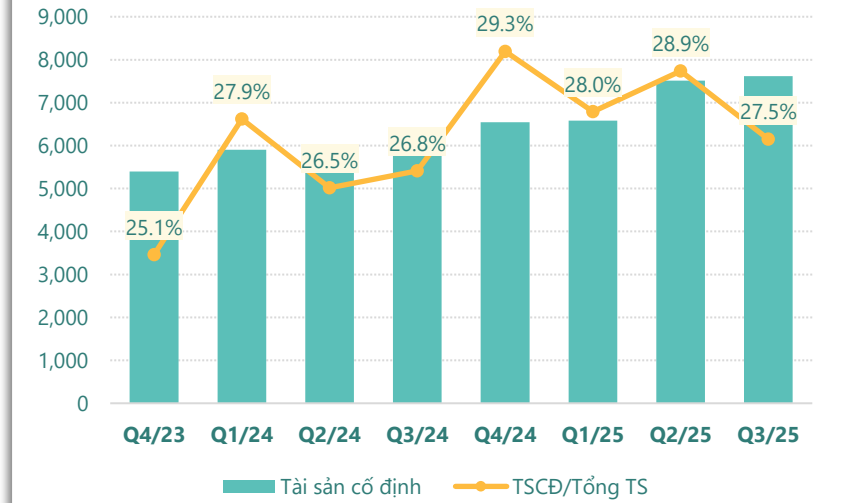
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

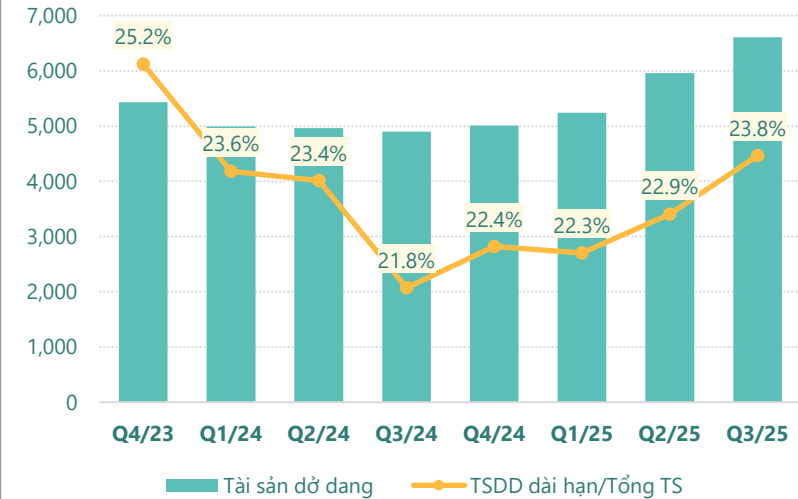
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

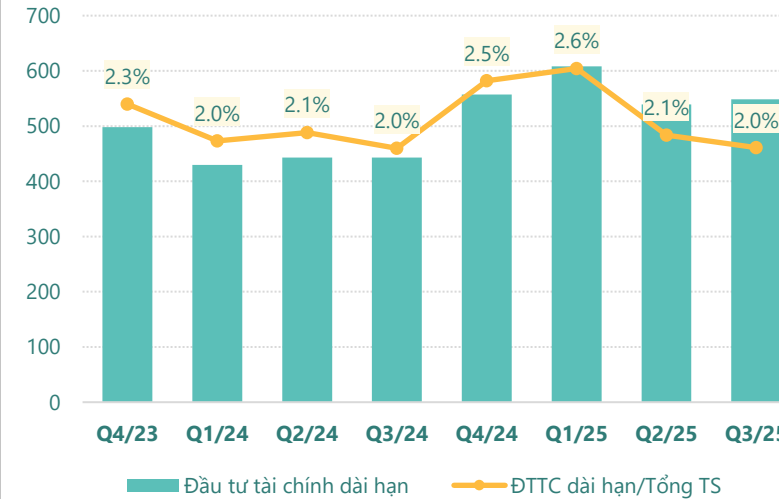
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

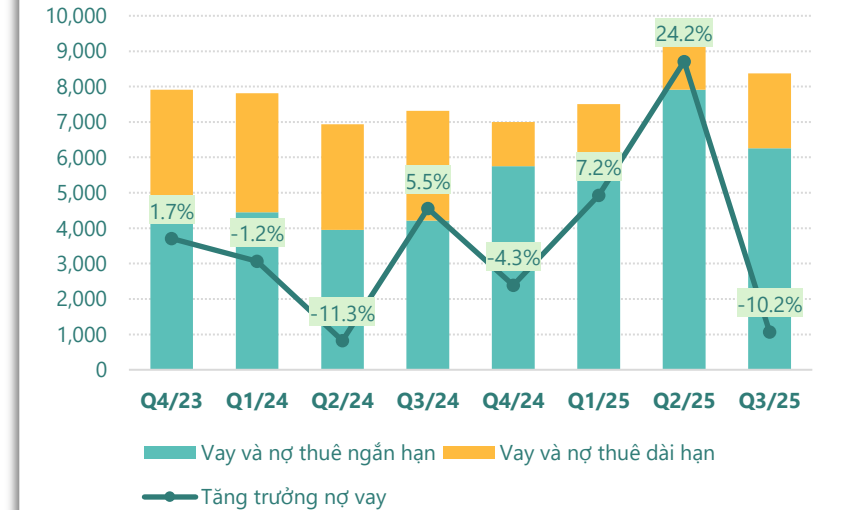
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

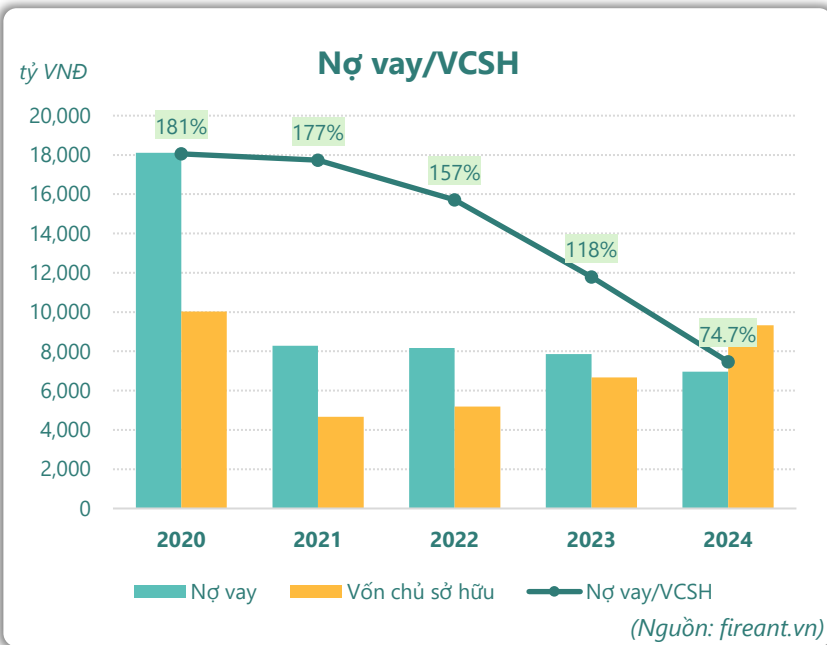
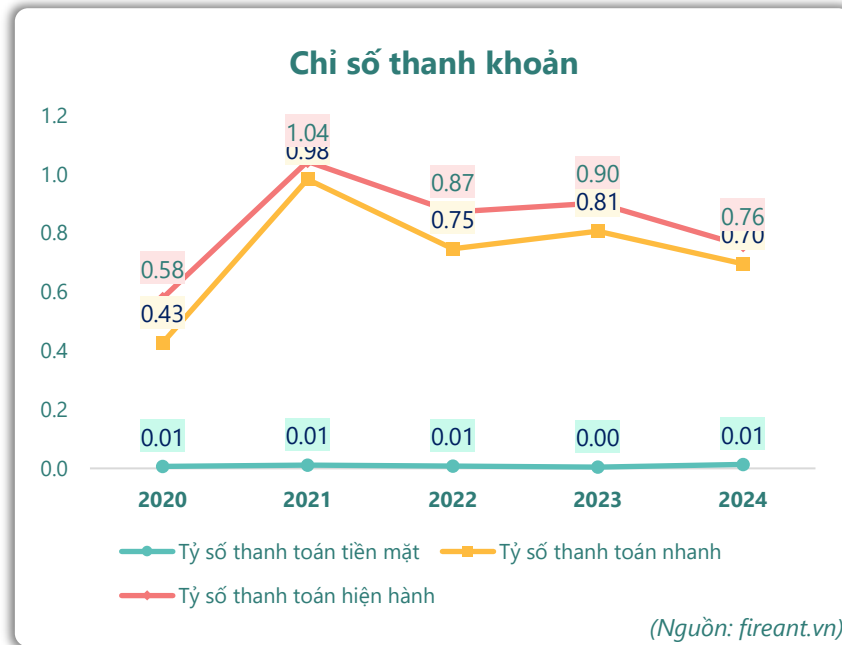
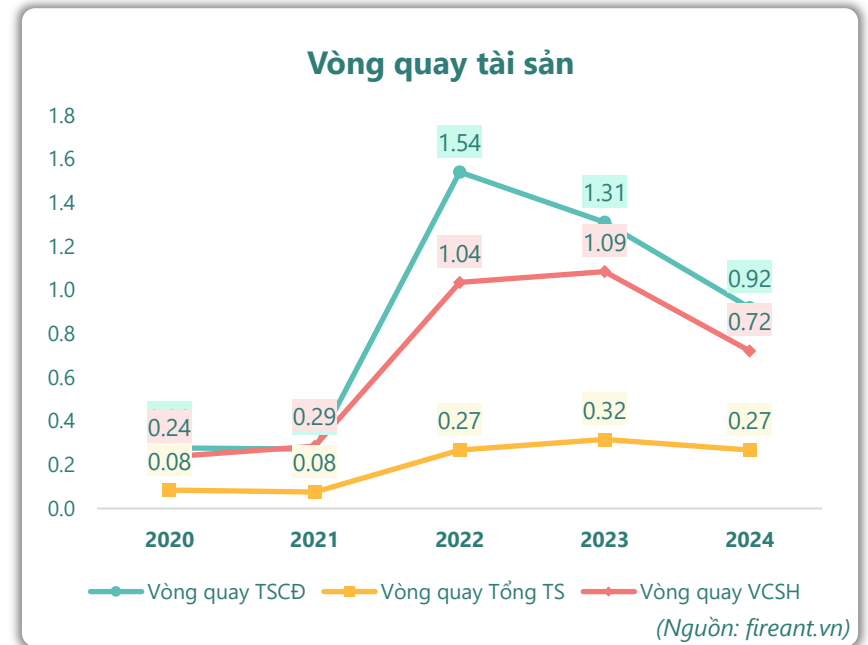
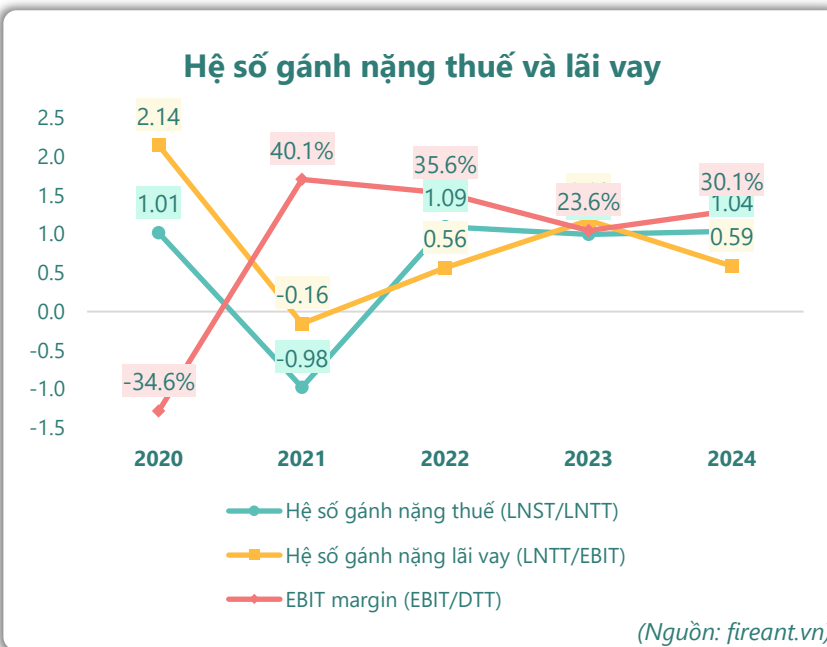
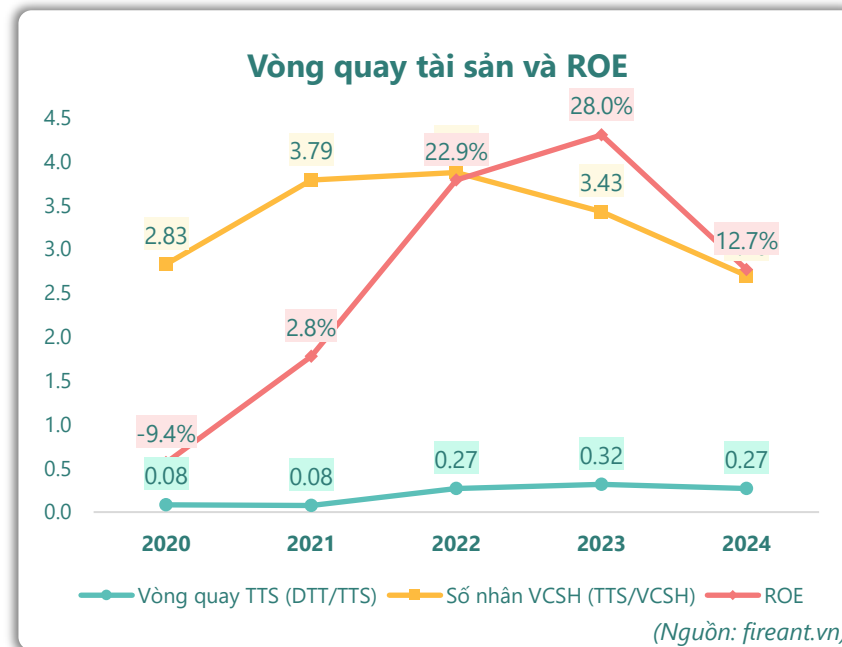
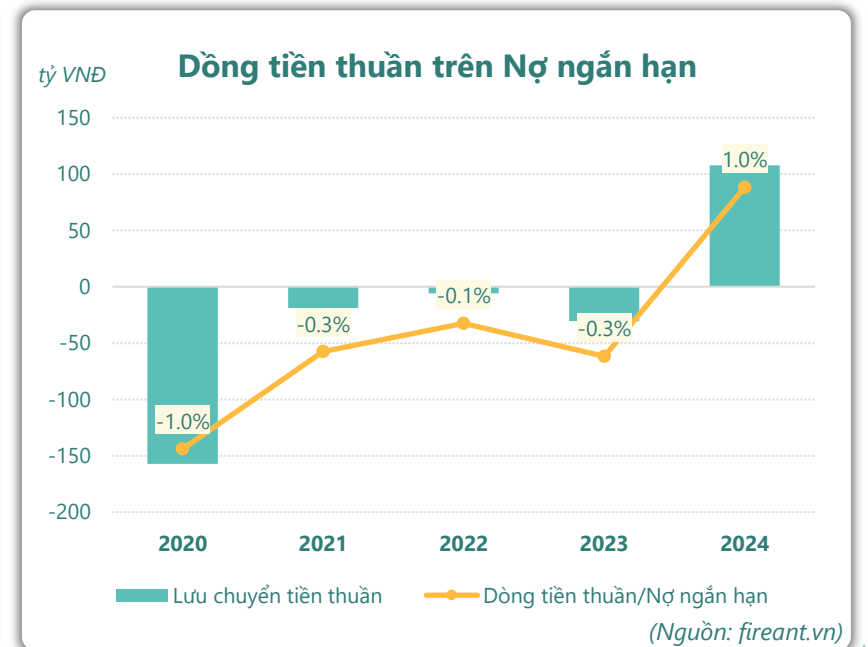
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,895	1,432	32.4%	5,603	4,194	33.6%
Giá vốn hàng bán	1,133	822	37.8%	3,389	2,604	30.2%
Lợi nhuận gộp	762	609	25.2%	2,214	1,590	39.2%
Doanh thu HĐTC	78.9	50.4	56.6%	215	213	0.6%
Chi phí TC	199	165	20.3%	594	505	17.5%
Chi phí lãi vay	204	144	41.4%	564	471	19.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	108	69.6	54.7%	326	272	19.8%
Chi phí QLDN	35.8	34.5	3.8%	115	121	-4.6%
LN thuần từ HĐKD	499	390	28.0%	1,394	905	53.9%
Lợi nhuận khác	-67.2	-39.4	-70.5%	-103	-68.8	-49.3%
LN trước thuế	432	351	23.1%	1,291	837	54.3%
Lợi nhuận sau thuế	432	351	23.1%	1,312	851	54.1%
LNST của CĐ cty mẹ	416	332	25.3%	1,250	809	54.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-340	63.6	-338	-187	-1,092	-52.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.2	-337	728	-173	-834	-406
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	515	251	-354	526	1,804	1,110
Tiền đầu kỳ	39.9	136	114	150	316	194
Lưu chuyển tiền thuần	96.1	-22.1	35.7	166	-122	652
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	136	114	150	316	194	846

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	27,744	22,281	24.5%
Tài sản ngắn hạn	11,744	8,435	39.2%
Tiền và tương đương tiền	846	150	465%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	10,051	7,537	33.4%
Hàng tồn kho	747	694	7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	99.1	54.2	82.7%
Tài sản dài hạn	16,000	13,845	15.6%
Phải thu dài hạn	630	1,293	-51.3%
Tài sản cố định	7,620	6,567	16.0%
Bất động sản đầu tư	32.9	34.3	-4.1%
Tài sản dở dang	6,611	5,022	31.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	548	557	-1.6%
Tài sản dài hạn khác	559	371	50.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,460	12,955	11.6%
Nợ ngắn hạn	11,659	11,123	4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,257	5,748	8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,146	987	16.0%
Nợ dài hạn	2,800	1,832	52.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,115	1,217	73.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,284	9,326	42.4%
Vốn chủ sở hữu	13,284	9,326	42.4%
Vốn điều lệ	12,675	10,575	19.9%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

